

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
THANH THANH CONG – BIEN HOA
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 524/2024/QĐ-HĐQT

Ngày 17 tháng 9 năm 2024

September 17, 2024

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION

V/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm toán/ Regarding approval for
Regulations on the Organization and Operation of the Audit Committee

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

BOARD OF DIRECTORS

THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành/ Pursuant to the Enterprise Law;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa/ Pursuant to the Charter of Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company;
- Căn cứ nội dung Biên bản họp số 524/2024/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa/ Pursuant to the content of Meeting Minutes No. 524/2024/BBH-HĐQT dated 17 month 9 2024 of the Board of Directors of Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company.

QUYẾT ĐỊNH/ DECIDE:

Điều 1. /Article 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm toán / To promulgate the Regulations on the Organization and Operation of the Audit Committee as attached to this Decision.

Điều 2. /Article 2. Giao Ủy ban kiểm toán làm đầu mối quản lý và hướng dẫn việc thực hiện, tuân thủ Quy chế này./ Assign the Audit Committee manage and guide the implementation and compliance with this Regulation.

Điều 3. /Article 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 93a/2023/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2023/ This Decision takes effect from the date of signing and replace Decision No. 93a/2023/QĐ-HĐQT dated December 28, 2023.

Thành viên Hội đồng quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/ Members of the Board of Directors and relevant units and individuals are responsible for executing this Decision.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

OBO. BOARD OF DIRECTORS

CHAIRLADY
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG
BIÊN HÒA
ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

Nơi nhận/ Recipients:

- HĐQT (để báo cáo)/Board of Directors (to report);
- Ủy Ban Kiểm toán (để biết)/Internal Audit Committee (to know);
- Lưu: TKCT/Archive: Corporate Secretary.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	2
Điều 2. Đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của UBKT	2
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT	3
Điều 5. Nhiệm kỳ, số lượng và điều kiện thành viên của UBKT	3
Điều 6. Cơ cấu tổ chức của UBKT	4
Điều 7. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của UBKT	4
Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch UBKT	5
Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên UBKT	5
Điều 10. Phiên họp của UBKT	5
Điều 11. Chế độ làm việc và tương tác	6
Điều 12. Chế độ thông tin và báo cáo	6
Điều 13. Mối quan hệ giữa UBKT và các bên có liên quan	7
Điều 14. Tổ chức thực hiện	8

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ủy ban kiểm toán nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ủy ban; Cán bộ quản lý; Đơn vị và các ĐVTV có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: là Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.
2. Điều lệ: là điều lệ Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa
3. Trung tâm: là đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh, bao gồm Trung tâm Nông nghiệp (Agriculture Center), Trung tâm Sản xuất (Production Center), Trung tâm Thương mại (Commercial Center).
4. Đơn vị: bao gồm Khối, Phòng, Ban, Bộ phận, ... thuộc Công ty được quy định trong *Quy chế tổ chức và hoạt động Công ty*.
5. ĐVTV: là viết tắt của Đơn vị thành viên, tức các công ty được quy định trong *Quy chế quản lý Đơn vị thành viên*
6. HĐQT: là viết tắt của Hội đồng quản trị
7. UBKT: là viết tắt của Ủy ban kiểm toán
8. KTNB: là viết tắt của Kiểm toán nội bộ
9. Cán bộ quản lý: là Người được HĐQT/TGĐ bổ nhiệm vào các chức danh quản lý theo Hệ thống cấp bậc - chức vụ - chức danh của Công ty từng thời kỳ.
10. Chiến lược: là Chiến lược phát triển của Công ty được cấp thẩm quyền của Công ty thông qua trong từng thời kỳ
11. Quy định nội bộ: là tập hợp các chủ trương, chính sách, các quy chế, quy định, quy trình và các hướng dẫn nghiệp vụ nội bộ của Công ty.
12. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức theo quy định tại khoản 23 điều 4 của Luật doanh nghiệp.
13. Người quản lý: là cá nhân theo quy định tại khoản 24 điều 4 của Luật doanh nghiệp.
14. Luật doanh nghiệp: là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của UBKT

Tổ chức và hoạt động của UBKT phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

1. UBKT phải báo cáo trực tiếp với HĐQT và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định của pháp luật.

2. UBKT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất cao trong tập thể, kết hợp với sự quản lý và điều phối hiệu quả từ Chủ tịch UBKT, đề cao trách nhiệm của các thành viên UBKT.
3. Thành viên UBKT thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.
4. Thành viên UBKT không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ phi tuân thủ theo yêu cầu pháp luật.
5. Thành viên UBKT phải trung thực, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các kết luận của mình.
6. Bảo đảm sự phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Đơn vị, ĐVTV.
7. Giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và điều lệ, bảo đảm kịp thời, chất lượng và hiệu quả. Công việc của các thành viên UBKT không làm giảm trách nhiệm tập thể, trách nhiệm cá nhân của thành viên HĐQT liên quan đến các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao.

CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT

Điều 5. Nhiệm kỳ, số lượng và điều kiện thành viên của UBKT

1. UBKT có từ 02 thành viên trở lên và đảm bảo đa số các thành viên UBKT là thành viên độc lập HĐQT. Chủ tịch UBKT phải là thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên khác phải là thành viên HĐQT không điều hành.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch UBKT và các thành viên khác trong UBKT phải được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT.
3. Nếu phát sinh thành viên UBKT từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, hết nhiệm kỳ Thành viên HĐQT hoặc vì bất kỳ lý do nào khác dẫn đến việc khuyết/thiếu giảm số lượng thành viên UBKT xuống dưới số lượng thành viên tối thiểu hoặc việc khuyết/thiếu thành viên đó dẫn đến tình trạng không đảm bảo tiêu chí **“Đa số thành viên UBKT là Thành viên HĐQT độc lập”** thì HĐQT thông qua bầu bổ sung Thành viên UBKT từ các thành viên HĐQT độc lập còn lại và/hoặc bổ nhiệm chủ tịch UBKT mới (nếu vị trí khuyết/thiếu là của chủ tịch UBKT) không chậm hơn 10 ngày làm việc kể từ ngày khuyết vị trí của Thành viên UBKT đó trừ trường hợp không còn thành viên độc lập HĐQT nào để HĐQT xem xét thay thế thì HĐQT sẽ phải thông qua việc bổ nhiệm bổ sung Thành viên UBKT không chậm hơn 10 ngày làm việc kể từ ngày ĐHCĐ thông qua việc bầu bổ sung Thành viên độc lập HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ.
15. Nhiệm kỳ, số lượng cụ thể thành viên UBKT do HĐQT quyết định phù hợp với nhu cầu quản trị trong từng thời kỳ.
16. Chủ tịch UBKT phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

17. Thành viên UBKT phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của UBKT

Cơ cấu tổ chức hoạt động của UBKT bao gồm:

1. 01 (một) Chủ tịch UBKT.
2. (Các) thành viên UBKT trong đó tùy theo nhu cầu quản trị từng thời kỳ sẽ phân công 01 (một) Phó chủ tịch UBKT.
3. Thư ký UBKT là người được Chủ tịch UBKT chỉ định phụ trách.

Điều 7. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của UBKT

UBKT là đơn vị trực thuộc HĐQT Công ty, có quyền và nghĩa vụ:

1. Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
2. Giám sát đơn vị phụ trách kiểm toán nội bộ của Công ty;
3. Giám sát nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;
4. Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
5. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội cổ đông;
6. Kiến nghị Công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
7. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
8. Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động Công ty.
9. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT;
10. Có quyền yêu cầu đại diện của tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT;
11. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán và các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
12. Xây dựng và cập nhật Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua.

13. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
14. Các nghĩa vụ khác theo điều lệ Công ty từng thời kỳ.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch UBKT

1. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về toàn bộ hoạt động của UBKT;
2. Chỉ đạo, điều hành hoạt động của UBKT; phân công nhiệm vụ cho các thành viên UBKT;
3. Phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác, nhiệm vụ, dự án, đề án của UBKT;
4. Quyết định triệu tập và chủ trì các cuộc họp của UBKT;
5. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Đơn vị, ĐVTV có liên quan trong việc khắc phục các vấn đề, phát hiện được nêu trong các biên bản kiểm toán của KTNB theo mức độ trọng yếu và ưu tiên theo từng thời kỳ;
6. Báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ;
7. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT, Điều lệ và theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên UBKT

1. Thực hiện các công việc và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc theo sự phân công của Chủ tịch UBKT;
2. Tham mưu cho Chủ tịch UBKT về cơ chế giám sát hoạt động của Công ty và/hoặc các vấn đề khác liên quan đến công tác giám sát hoạt động Công ty;
3. Tham dự đầy đủ các phiên họp của UBKT; cùng tập thể UBKT xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của UBKT;
4. Thực hiện các nhiệm vụ khác của UBKT theo phân công của Chủ tịch UBKT.

Điều 10. Phiên họp của UBKT

1. UBKT phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm hoặc theo quy định của pháp luật theo từng thời kỳ. Cuộc họp được tiến hành khi có tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số thành viên tham dự.
2. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBKT quyết định triệu tập họp đột xuất. Thành phần cuộc họp do chủ tịch UBKT quyết định, có thể triệu tập cuộc họp mở rộng có sự tham gia của Cán bộ quản lý có liên quan, chuyên gia, nhà tư vấn.
3. Cuộc họp của UBKT có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, họp qua điện thoại, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức họp khác nhưng phải đảm bảo các thành viên khác của UBKT có thể phát biểu ý kiến độc lập, khách quan và được bảo lưu ý kiến của mình.
4. UBKT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên UBKT có một phiếu biểu quyết. Quyết định của UBKT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường

hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch UBKT.

5. Thông báo mời họp, chương trình và tài liệu nghiên cứu trước (nếu có) phải được gửi đến các thành viên dự họp chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên UBKT, thành viên được mời dự họp (nếu có) có thể kiến nghị chủ tịch UBKT bổ sung vào chương trình phiên họp những nội dung mà người kiến nghị nhận thấy là quan trọng, cần thiết.
6. Các nội dung được thông qua trong cuộc họp đều phải lập chi tiết, rõ ràng và lưu trữ trong các biên bản họp. Biên bản họp phải có chữ ký của Chủ tịch UBKT hoặc thành viên được Chủ tịch UBKT ủy quyền chủ trì cuộc họp, các thành viên dự họp và người ghi biên bản cuộc họp. Trường hợp có thành viên vắng mặt vì lý do chính đáng trong khi yêu cầu cuộc họp cần lấy ý kiến của tất cả các thành viên thì chủ tịch UBKT sẽ chỉ định thành viên thay thế và việc chỉ định này phải được sự chấp thuận của HĐQT.
7. Sau cuộc họp, Thư ký UBKT có trách nhiệm chuyển biên bản họp này cho các thành viên tham dự và Ban Thư ký Công ty. Những biên bản họp sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được thông qua trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày chuyển đi.
8. Trong trường hợp Chủ tịch UBKT vắng mặt, các thành viên UBKT còn lại tham dự phiên họp (đủ điều kiện về số lượng thành viên tham dự) phải bầu ra 1 người trong số họ làm chủ tọa phiên họp của UBKT.

Điều 11. Chế độ làm việc và tương tác

1. Các thành viên UBKT làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của UBKT và chuẩn bị nội dung báo cáo phần việc được phân công.
2. Chủ tịch UBKT định kỳ hoặc đột xuất làm việc với các thành viên UBKT để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của UBKT.
3. Trong quá trình hoạt động, các thành viên UBKT chủ động và tích cực phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với nhau và với các cán bộ quản lý, Đơn vị của Công ty, ĐVTV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 12. Chế độ thông tin và báo cáo

1. Các thành viên UBKT báo cáo Chủ tịch UBKT theo các hình thức: báo cáo trực tiếp, báo cáo bằng văn bản hoặc thư điện tử, báo cáo thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất. Nội dung báo cáo gồm những vấn đề sau:
 - a. Tình hình thực hiện những công việc được phân công phụ trách;
 - b. Nội dung, kết quả các hội nghị, cuộc họp khi được Chủ tịch UBKT ủy quyền tham dự;
 - c. Kết quả làm việc và những kiến nghị của các đơn vị, ĐVTV; và
 - d. Báo cáo các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ tịch UBKT.
2. Các đơn vị, ĐVTV có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của chủ tịch UBKT về việc thực hiện báo cáo phúc tra theo các hình thức: báo cáo trực tiếp, báo cáo bằng văn bản hoặc thư điện tử.

3. Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và phải đảm bảo có các nội dung sau:
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Tổng kết các cuộc họp của UBKT và các kết luận, kiến nghị của UBKT
 - Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro Công ty;
 - Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 13. Mối quan hệ giữa UBKT và các bên có liên quan

- Mối quan hệ giữa các thành viên UBKT:**

Các thành viên UBKT có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của UBKT theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Chủ tịch UBKT là người điều phối công việc chung của UBKT nhưng không có quyền chi phối các thành viên UBKT.
- Mối quan hệ với Ban điều hành, Các trung tâm kinh doanh, Trung tâm dịch vụ**

UBKT có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành, Các trung tâm kinh doanh, Trung tâm dịch vụ, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành, Các trung tâm kinh doanh, Trung tâm dịch vụ.
- Mối quan hệ với HĐQT:**
 - UBKT là một cơ quan trực thuộc HĐQT và có các chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các Quy chế có liên khác do HĐQT ban hành.
 - HĐQT có trách nhiệm tạo điều kiện cho UBKT thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình một cách độc lập, khách quan và minh bạch.
 - Các thành viên UBKT có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia thảo luận đóng góp ý kiến vào các nội dung được đưa ra thông qua trong cuộc họp.
 - Các thành viên HĐQT phải cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến kết quả hoạt động theo yêu cầu của UBKT, đồng thời phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

4. Mỗi quan hệ với các Ủy ban khác trực thuộc HĐQT:
 - a. UBKT là một cơ quan trực thuộc HĐQT Công ty, có mối quan hệ độc lập với các Ủy ban khác trực thuộc HĐQT.
 - b. UBKT có sự tương tác hàng ngang, phối hợp chặt chẽ, trao đổi thông tin với các Ủy ban khác trên cơ sở thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty nhưng vẫn đảm bảo không suy giảm tính độc lập, khách quan của UBKT.
5. Mối quan hệ với cổ đông:
 - a. UBKT thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động của Công ty theo yêu cầu hợp pháp của Cổ đông. Do đó, phải chấp hành nghiêm túc chế độ bảo mật thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động Công ty thông qua các báo cáo trình Đại hội cổ đông thường niên hoặc bất thường.
 - b. Có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu theo đúng trình tự quy định.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBKT có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các thành viên UBKT, Cán bộ quản lý, Đơn vị, ĐVTV có liên quan thực hiện Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này có những vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.